

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành học: **Kiểm toán** (Auditing)

Mã ngành: 7340302

Hệ đào tạo: Chính quy Thời gian đào tạo: 04 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn: Kế toán - Kiểm toán - Khoa Kinh tế

### 1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Kiểm toán nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực kiểm toán theo hướng chuyên nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, người học có:

- a. Phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, sức khỏe tốt, và có trách nhiệm với xã hội.
- b. Kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội.
- c. Nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về cơ sở ngành và chuyên ngành.
- d. Tổ chức, thiết kế và điều hành công tác kiểm toán tại các đơn vị kiểm toán.
- e. Tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

### 2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

#### 2.1 Kiến thức

##### 2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- c. Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- d. Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

##### 2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Có kiến thức cơ bản về những nguyên lý kinh tế để phân tích và lý giải được các biến động của nền kinh tế nói chung; nắm bắt được các vấn đề chính sách liên quan đến tổng thể của nền kinh; giải thích được các vấn đề kinh tế trong doanh nghiệp.
- b. Có kiến thức cơ bản về thống kê, phân tích định lượng trong lĩnh vực tài chính – kế toán.
- c. Có kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế; tài chính, tiền tệ, marketing, quản trị học.

##### 2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Có kiến thức về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán – kiểm toán và các văn bản pháp quy có liên quan đến kiểm toán, kế toán, tài chính – thống kê.
- b. Có kiến thức về quy trình kiểm toán doanh nghiệp, kiểm toán nhà nước, kiểm toán hoạt động, kiểm toán môi trường.
- c. Có kiến thức về tổ chức thực hiện công tác kiểm toán bao gồm: xác định nội dung, phạm vi thực hiện các thủ tục kiểm toán; đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị được kiểm toán; các loại rủi ro trong kiểm toán, phương pháp và kỹ thuật thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp; tổng hợp, đánh giá bằng chứng kiểm toán và đưa ra báo cáo kiểm toán; sắp xếp, lưu trữ hồ sơ kiểm toán khoa học.
- d. Có kiến thức về tổ chức hệ thống kế toán trong doanh nghiệp, tổ chức tài chính, đơn vị HCSN, các chương trình/dự án kinh tế – xã hội bao gồm: hệ thống thông tin kế toán, chứng từ – sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị.
- e. Có kiến thức về phân tích báo cáo tài chính và đánh giá được tình hình tài chính, khả năng hoạt động liên tục của khách hàng được kiểm toán.
- f. Có kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán – kiểm toán và kiểm toán trong môi trường tin học.



## 2.2 Kỹ năng

### 2.2.1 Kỹ năng cứng

Kỹ năng thuộc lĩnh vực kinh tế xã hội:

- a. Tiếp cận được các khoa học chuyên ngành, nghiên cứu các vấn đề khoa học liên quan ở cấp độ phù hợp với trình độ đào tạo.
- b. Vận dụng được quy định luật pháp trong giải quyết các vấn đề kinh tế và ngành đào tạo.
- c. Ứng dụng được khoa học tự nhiên trong giải quyết các vấn đề kinh tế cơ bản.

Kỹ năng về thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp:

- d. Thực hiện được các công việc cơ bản về lập kế hoạch tài chính, tổ chức thống kê hoạt động kinh doanh; thực hiện các quy định về thuế trong các hoạt động kinh doanh.
- e. Thực hiện được các công việc cơ bản về marketing và tham gia thực hiện văn hóa kinh doanh; thực hiện được những nội dung cơ bản về xây dựng, thực hiện và kiểm tra các hoạt động kinh doanh.
- f. Tổ chức và triển khai được các công việc được giao về quản trị doanh nghiệp.

Kỹ năng thuộc lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn:

- g. Vận dụng, tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực và pháp luật về tài chính kế toán trong công tác kiểm toán, kế toán và thống kê.
- h. Tổ chức và triển khai thực hiện được công tác kiểm toán như: xác định nội dung, phạm vi và thời gian thực hiện các thủ tục kiểm toán; đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ tại đơn vị được kiểm toán; đánh giá các loại rủi ro trong kiểm toán; thực hiện các kỹ thuật thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp; có khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá bằng chứng kiểm toán; có khả năng dựa trên bằng chứng kiểm toán thu thập được để đưa ra ý kiến nhận xét thích hợp phục vụ cho nhu cầu sử dụng thông tin của các bên.
- i. Sắp xếp, lưu trữ và bảo quản hồ sơ kiểm toán.
- j. Phát hiện được các sai sót trọng yếu và tiến hành điều chỉnh các sai sót theo đúng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, các văn bản pháp quy có liên quan đến kế toán – tài chính.
- k. Tham mưu được công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán cho thủ trưởng đơn vị kiểm toán.
- l. Đề xuất được các biện pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán, hệ thống kiểm soát nội bộ tại đơn vị.
- m. Thực hiện được công tác kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết; tổ chức, tham gia tổ chức hệ thống kế toán; thực hiện báo cáo thuế tại doanh nghiệp, đơn vị HCSN và các chương trình/dự án kinh tế – xã hội.
- n. Sử dụng được các phần mềm kế toán; ứng dụng được các phần mềm tin học trong kiểm toán.
- o. Tham gia, phối hợp được với các đơn vị được kiểm toán.

### 2.2.2 Kỹ năng mềm

- a. Kỹ năng làm việc nhóm: thành lập, lãnh đạo, tổ chức được các hoạt động và phát triển nhóm; làm việc chuyên môn được trong nhóm.
- b. Kỹ năng giao tiếp: có chiến lược giao tiếp, biết cách tổ chức giao tiếp, giao tiếp được bằng văn bản, đa truyền thông, và đồ họa; và thuyết trình và thu hút trong giao tiếp.
- c. Kỹ năng tư duy hệ thống: lập luận vấn đề logic, có hệ thống, ở phạm vi toàn cục; biết được sự tương tác giữa các vấn đề và sắp xếp được các vấn đề theo thứ tự ưu tiên cần giải quyết/xử lý.
- d. Tố chất và kỹ năng cá nhân: suy xét, tư duy sáng tạo; nghiên cứu, khám phá kiến thức và kỹ năng mới; đề xuất sáng kiến và sẵn sàng chấp nhận rủi ro; có tính kiên trì và linh hoạt trong công việc; có năng lực nhận biết kiến thức, kỹ năng và thái độ của người khác; tự học, học suốt đời và làm việc độc lập; làm việc có kế hoạch, phân bổ công việc hợp lý, biết cách quản lý thời gian, và có kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mình.
- e. Kỹ năng ngoại ngữ và tin học: giao tiếp, đọc hiểu được các thuật ngữ chuyên ngành bằng ngoại ngữ; sử dụng thành thạo tin học văn phòng (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm kế toán



### 2.3 Thái độ

- a. Có phẩm chất chính trị: chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; quan điểm chính trị vững vàng; biết xử lý hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể- tổ chức và quốc gia.
- b. Có phẩm chất đạo đức cá nhân: có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình, đam mê nghề nghiệp; có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, sẵn sàng làm việc độc lập, làm việc với người khác, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm, biết công nhận thành quả của người khác, biết chấp nhận thất bại và rút kinh nghiệm.
- c. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, trách nhiệm, tin cậy, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp; luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp.
- d. Có phẩm chất đạo đức xã hội: có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng; biết trân trọng các giá trị đạo đức xã hội, các dân tộc; biết nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân đối với xã hội; tư cách, tác phong đúng đắn, chuẩn mực trong quan hệ xã hội; và biết phê phán những hành vi không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức.

### 3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Trợ lý kiểm toán viên độc lập: có đủ năng lực làm việc tại các công ty kiểm toán; có thể đảm nhận công việc cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán cho các loại hình doanh nghiệp; Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng nhóm kiểm toán, kiểm toán viên chính, kiểm toán viên cao cấp.
- Kiểm toán viên nội bộ: Có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, đơn vị HCSN, các tổ chức khác; có thể thực hiện kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ trong nội bộ đơn vị, thực hiện kiểm tra tài chính, đánh giá kiểm soát nội bộ, tư vấn độc lập trong nội bộ đơn vị, đề xuất các biện pháp cải tiến làm tăng giá trị hoạt động của đơn vị. Triển vọng nghề nghiệp là trưởng nhóm kiểm toán nội bộ hoặc kế toán trưởng trong đơn vị.
- Kiểm toán viên Nhà nước: Có đủ năng lực làm việc tại công ty kiểm toán nhà nước, các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị HCSN; có thể thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán tuân thủ như kiểm tra việc chấp hành các quy định và văn bản pháp luật, các chính sách do Nhà nước ban hành đối với từng lĩnh vực tại các đơn vị có sử dụng vốn và ngân sách nhà nước. Triển vọng nghề nghiệp là kiểm toán viên chính, trưởng nhóm kiểm toán.
- Nhân viên kế toán: có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, đơn vị HCSN, các tổ chức khác và các chương trình/dự án kinh tế - xã hội; có thể đảm nhận nhiệm vụ các vị trí kế toán như: kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp, kế toán phân tích, kiểm toán nội bộ và triển vọng trở thành kế toán trưởng.
- Chuyên viên phân tích và tư vấn: có khả năng làm việc tại các công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp; có thể đảm nhận công việc phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính; có triển vọng trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn về kế toán, thuế, tài chính.
- Nghiên cứu viên và giảng viên: có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục Cao đẳng, Đại học, Trung học chuyên nghiệp, và các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận công việc như tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến kế toán, kiểm toán.

### 4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Hình thành thói quen học suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu về kế toán, tài chính, kinh tế và kinh doanh.
- Đáp ứng được với các yêu cầu học tập ở các trình độ thạc sĩ trong lĩnh vực kế toán, tài chính, kinh tế, và kinh doanh.

### 5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Chuẩn đầu ra ngành kế toán của Học viện Ngân hàng.
- Các tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO.



## 6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bộ trí theo nhóm ngành	
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bộ trí theo nhóm ngành	
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bộ trí theo nhóm ngành	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bộ trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60			I, II, III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	I, II, III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	I, II, III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	I, II, III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	I, II, III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	I, II, III
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			I, II, III
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	I, II, III
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	I, II, III
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	I, II, III
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45		FL004	I, II, III	
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4		60		FL005	I, II, III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			I, II, III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60	TN034	I, II, III
20	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30			I, II, III
21	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009	I, II, III
22	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010	I, II, III
23	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III
24	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			I, II, III
25	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45			I, II, III
26	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45			I, II
27	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30			I, II
28	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			I, II, III
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I, II, III
30	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			I, II, III
31	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II, III
32	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I, II, III
33	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I, II, III
<b>Cộng: 46 TC (Bắt buộc: 31 TC; Tự chọn: 15 TC)</b>									
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>									
34	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45			I, II
35	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45			I, II
36	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3		45		TN010	I, II
37	KT126	Phương pháp nghiên cứu trong Kế toán - Kiểm toán	2	2		30		KT108	I, II
38	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45			I, II
39	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30			I, II
40	KL369	Luật Kinh tế	2	2		30			I, II
41	KT376	Kiểm toán 1	3	3		45		KT106	I, II
42	KT339	Kế toán quản trị 1	3	3		45		KT106	I, II
43	KT341	Kế toán tài chính 1	3	3		45		KT106	I, II
44	KT370	Hệ thống thông tin kế toán 1	3	3		45		KT106	I, II
45	KT203	Ứng dụng toán trong kinh doanh	2	2		30			I, II
46	KT330	Thuế	3		6	45		KT101	I, II
47	KT111	Tài chính - Tiền tệ	3			45			I, II
48	KT104	Marketing căn bản	3			45			I, II
49	KT303	Kinh tế quốc tế	3			45		KT102	I, II
50	KT113	Kinh tế lượng	3			45		KT108	I, II
51	KT118	Kinh tế học hành vi	3			45		KT101	I, II
52	KT103	Quản trị học	3			45			I, II
<b>Cộng: 39 TC (Bắt buộc 32 TC; Tự chọn: 6 TC)</b>									



TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>									
53	KT404	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2		30		KT106	I, II
54	KT377	Kiểm toán 2	3	3		45		KT376	I, II
55	KT250	Kiểm toán hoạt động	3	3		45		KT106	I, II
56	KT251	Kiểm toán Nhà nước	3	3		45		KT373	I, II
57	KT384	Tổ chức thực hiện công tác kiểm toán	3	3		45		KT377	I, II
58	KT342	Kế toán tài chính 2	3	3		45		KT106	I, II
59	KT275	Anh văn chuyên ngành Tài chính - Kế toán	3	3		45			I, II
60	KT374	Kế toán ngân hàng	3	3		45		KT106	I, II
61	KT222	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		30		KT106	I, II
62	KT308	Quản trị tài chính	3	3		45		KT111	I, II
63	KT132	Kiến tập ngành Kiểm toán	2	2			60	KT376	I, II
64	KT130	Chuẩn mực kế toán	3	3		45		KT106	I, II
65	KT252	Kiểm toán môi trường	3			45		KT376	I, II
66	KT260	Ứng dụng phần mềm trong kế toán	3			15	60	KT106	I, II
67	KT308	Quản trị tài chính	3		16	45		KT111	I, II
68	KT373	Kế toán hành chính sự nghiệp	3			45		KT106	I, II
69	KT371	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			30		KT106	I, II
70	KT375	Kế toán và khai báo thuế	2			30		KT106	I, II
71	KT128	Kế toán tài chính 3	3			45		KT106	I, II
72	KT127	Kế toán quản trị 2	3			45		KT106	I, II
73	KT383	Tổ chức thực hiện công tác kế toán	3			45		KT341	I, II
74	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			45		KT106	I, II
75	KT249	Kinh tế học ngân hàng	3			45		KT111	I, II
76	KT359	Quản trị rủi ro tài chính	3			45		KT111	I, II
77	KT329	Thị trường chứng khoán	3			45		KT111	I, II
78	KT363	Quản trị văn phòng	2			30			I, II
79	KT226	Quản trị tài chính các công ty đa quốc gia	3			45		KT102	I, II
80	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2			30			I, II
81	KT272	Đầu tư tài chính	2			30		KT111	I, II
82	KT321	Nghiên cứu marketing	3			45		KT104	I, II
83	KT269	Định giá tài sản	3			45		KT308	I, II
84	KT204	Quản trị nguồn nhân lực	3			45		KT103	I, II
85	KT220	Quan hệ công chúng	2			30			I, II
86	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3			45			I, II
87	KT236	Chuyên đề ngành kiểm toán	2				60	KT376, KT126	I, II, III
88	KT452	Luận văn tốt nghiệp - Kiểm toán	10				300	$\geq 105$ TC	I, II
89	KT299	Tiểu luận tốt nghiệp - Kiểm toán	4				120	$\geq 105$ TC	I, II
90	KT420	Dự báo kinh tế	3		10	45			I, II
91	KT237	Chuẩn mực kiểm toán	3			45			I, II
92	KT238	Pháp luật kiểm toán	2			30			I, II
93	KT239	Seminar kiểm toán	2			30			I, II
<b>Cộng: 56 TC (Bắt buộc: 30 TC; Tự chọn: 26 TC)</b>									
<b>Tổng cộng: 140 TC (Bắt buộc: 93 TC; Tự chọn: 47 TC)</b>									

(\*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

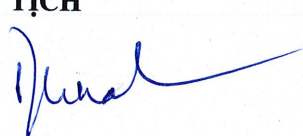
Ngày 09 tháng 01 năm 2018

**BAN GIÁM HIỆU**  
**HIỆU TRƯỞNG**



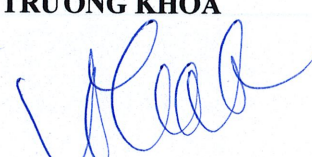
Hà Thanh Toàn

**HỘI ĐỒNG KH và ĐT**  
**CHỦ TỊCH**



Lê Việt Dũng

**KHOA KINH TẾ**  
**TRƯỞNG KHOA**



Võ Thành Danh



